

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 03 /2025/KDTM-ST
Ngày: 11 / 8 /2025
V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng
Ông Vũ Văn Thoa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 Thanh hoá: Bà Lê Huyền Diệu -
Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký TAND khu vực 6 Thanh hoá.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu
vực 6 Thanh hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 06/2025
/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2025 về : “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01 /QĐXX-KDTM ngày 27 / 3/2025,
quyết định hoãn phiên toà số: 01/2025/KDTM ngày 24/7/2025 giữa:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP V (V1) gọi tắt là **Ngân hàng**.

Địa chỉ: Số B L, phường L , Tp Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: chủ tịch HĐQT

Người được uỷ quyền: Ông: Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm
thu hồi nợ khách hàng Doanh nghiệp và XLN pháp lý.

Người được uỷ quyền: Ông Trịnh Trung B, cán bộ xử lý nợ. Ông Trịnh Trung B có
mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: Khu phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lai văn T chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/ 02 /2025 , bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2025 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn [ngân hàng TMCP V](#) trình bày:

Căn cứ vào các hợp đồng, khế ước nhận nợ [công ty TNHH P](#) vay vốn tại [V1 Chi nhánh T2](#) với tổng số tiền: 439.999.996 đồng (bốn trăm ba mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng). Theo hợp đồng cho vay số CLC-11770-01 ngày 18/01/2024 và các khế ước nhận nợ số 170624-5261925-ONL-6; khế ước nhận nợ 190424-5261925-ONL-4; khế ước nhận nợ số 250624-5261925-ONL-8; khế ước nhận nợ số 240524-5261925-ONL-5; Khế ước nhận nợ số 180624-5261925-ONL-7 cụ thể số tiền [công ty TNHH P](#) vay tiền của [Ngân hàng V1](#) là:

-Theo khế ước nhận nợ số: 170624-5261925-ONL-6 số tiền nhận nợ là: 55.000.000đ; thời hạn vay 6 tháng. Nợ gốc khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng 01 lần vào ngày 17/12/2024, lãi trả hàng tháng. Ngày trả lãi đầu tiên là 20/7/2024 ; lãi suất trong hạn 14,9%/ năm cố định trong thời hạn 1 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

-Theo khế ước nhận nợ số 190424-5261925-ONL-04 ngày 19/4/2024 (ký online) số tiền nhận nợ:137.499.998 đ; thời hạn vay là 6 tháng; mục đích vay : bổ sung vốn kinh doanh. Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 19/10/2024; Nợ lãi: Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 20/5/2024. Lãi suất trong hạn : 14.9% / năm cố định trong thời hạn 1 tháng, hết thời hạn 1 tháng sẽ được điều chỉnh 1 tháng/ 1 lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

-Theo khế ước nhận nợ số 250624-5261925-OLN-08 ngày 25/6/2024 (ký online) số tiền nhận nợ là 83.000.000đ; thời hạn vay vốn là 06 tháng : mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Các kỳ trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng một lần vào ngày 25/12/2024; Nợ lãi Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 20 hàng tháng. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là 20/7/2024. Lãi suất trong hạn : 15,2% / năm cố định trong thời hạn 1 tháng, hết thời hạn 1 tháng sẽ được điều chỉnh lãi một lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

-Theo khế ước nhận nợ số 240524-5261925-OLN-05 ngày 24/5/2024 (ký online) cụ thể: Số tiền nhận nợ: 137.499.998 đ; Thời hạn vay vốn là: 6 tháng; Mục đích: bổ sung vốn kinh doanh; Các kỳ trả nợ: Nợ gốc phải trả 01 lần vào ngày 24/11/2024; Nợ lãi: Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần, ngày trả nợ lãi đầu tiên là: 20/6/2024. Lãi suất trong hạn : 16.9%/ năm trong thời hạn 1 tháng, hết 01 tháng sẽ được điều chỉnh 1 tháng/ 01 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn được áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

-Khế ước nhận nợ số 180624-5261925-ONL-07 ngày 18/6/2024 (ký online) cụ thể: Số tiền nhận nợ: 27.000.000đ; Thời hạn vay là 06 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh; các kỳ trả nợ: Nợ gốc: Phải trả toàn bộ cho ngân hàng 01 lần vào ngày 18/12/2024; Nợ lãi: Trả nợ theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên là: 20/7/2024; Lãi suất trong hạn: 15.2%/ năm cố định trong thời hạn 1 tháng , hết 1 tháng sẽ được điều chỉnh 1 tháng/ 1 lần; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Các biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS - 20615/ 24 /SME/BLCN BLCN-01 ngày 18/01/2024 ông [Lai Văn T](#) cam kết dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho bên được bảo lãnh là [công ty TNHH P](#) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ nợ gốc, nợ lãi và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan theo tất cả các văn kiện tín dụng phát sinh giữa [công ty P](#) với [V1](#)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, [công ty TNHH P](#) đã vi phạm nghĩa vụ nên khoản vay đã chuyển sang quá hạn và chịu mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 10/10/2024. [Công ty TNHH P](#) chưa trả được tiền gốc; Tiền lãi đã trả được 22.545.544 đồng (*hai mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*) cụ thể: Theo khế ước nhận nợ số 170624-5261925-ONL-6 số tiền nhận nợ là: 55.000.000 đồng, đã trả lãi được 2.132.732 đồng ; Tính đến ngày xét xử (11/8/2025) số nợ là: Gốc: 55.000.000 đồng ; Lãi trong hạn: 1.186.254 đồng; Lãi quá hạn: 12.016.295 đồng; Tổng là: 68.202.549 đ

+ Theo khế ước nhận nợ số: 190424-5261925-ONL-04 ngày 19/4/2024 (ký online) số tiền nhận nợ: 137.499.998 đồng, đã trả lãi là : 8.771.145 đồng; số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2025) là: Nợ gốc: 137.499.998 đồng; Lãi trong hạn: 2.438.684 đồng; Lãi quá hạn: 28.362.482 đ; Tổng là: 168.301.164 đ

+ Theo khế ước nhận nợ số: 250624-5261925-OLN-08 ngày 25/6/2024 (ký online) số tiền nhận nợ là 83.000.000đ đã trả được số tiền lãi là: 3.008.848 đ; số nợ gốc còn là 83.000.000đ; Tính đến ngày xét xử số tiền nợ gốc là: 83.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 1.000.620 đồng; Nợ lãi quá hạn: 15.398.433 đồng; Tổng là: 99.399.053 đồng.

+Theo khế ước nhận nợ số: 240524-5261925-OLN-05 ngày 24/5/2024 (ký online) cụ thể: Số tiền nhận nợ: 137.499.998 đ. Tính đến ngày xét xử số nợ: Nợ gốc là: 137.499.998 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 2.291.524 đồng; Nợ lãi quá hạn là :30.040.736 đồng; Tổng là: 169.832.258 đồng.

+Khế ước nhận nợ số: 180624-5261925-ONL-07 ngày 18/6/2024 (ký online) cụ thể: Số tiền nhận nợ: 27.000.000 đồng đã trả lãi là: 1.057.494 đ.

Tính đến ngày xét xử (11/8/2025) Nợ gốc là: 27.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn là:325.498 đồng; Nợ lãi quá hạn là:5.009.129 đồng; Tổng là: 32.334.627 đ

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, [công ty TNHH P](#) đã vi phạm nghĩa vụ nên khoản vay đã chuyển sang quá hạn và chịu mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 10/10/2024 . Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2025) , [công ty P](#) còn nợ Ngân hàng theo các khế ước nhận nợ trên tổng số tiền như sau: Nợ gốc: 439.999.996 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.242.580 đồng; Nợ lãi quá hạn: 90.827.074 đồng; Tổng cộng: 538.069.651 đồng. Vì vậy, ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết buộc [công ty TNHH P](#) phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm như trên.

-Yêu cầu Toà án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày [công ty TNHH P](#) thực tế thanh toán hết nợ cho [V1](#) .

-Trong trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho [V1](#) đề nghị Toà án buộc ông [Lai Văn T](#) có nghĩa vụ trả nợ thay [công ty TNHH P](#) toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi , tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS-20615/24/SME/BLCN-01 ngày 18/01/2024.

Trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán [V1](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của [công ty P](#) và ông [Lai Văn T](#) để thu hồi khoản nợ của [công ty TNHH P](#) tại [V1](#).

Tại phiên toà đại diện VKS ND khu vực 6 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, của HĐXX trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V](#) buộc [công ty TNHH P](#) phải trả toàn bộ số nợ cho [Ngân hàng TMCP V](#) theo hợp cho vay số : CLC-11770-01 ngày 18/01/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo được ký kết giữa [Ngân hàng TMCP V](#) và [công ty TNHH P](#) số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày (11/8/2025) số nợ theo các khế ước nhận nợ là:

-Nợ gốc: 439.999.996 đ

-Nợ lãi trong hạn: 7.242.580 đ

-Nợ lãi quá hạn: 90.827.074 đ

Tổng cộng: 538.069.650 đ

-Buộc [công ty TNHH P](#) phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán được cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

-Trong trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện (hoặc thực hiện không đầy đủ) nghĩa vụ thanh toán cho [V1](#) thì buộc ông [Lai Văn T](#) có nghĩa vụ trả nợ thay cho [công ty TNHH P](#) toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi , tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh khác theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS-20615/24/SME/BLCN-01 ngày 18/01/2024.

-Trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, thu giữ, kê biên phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu khác của [công ty TNHH P](#) và ông [Lại Văn T](#) để thu hồi khoản nợ của [công ty TNHH P](#) tại [ngân hàng V1](#).

-Buộc [công ty TNHH P](#) phải nộp án phí KDTMST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn [ngân hàng TMCp V \(V1 \)](#) có đơn khởi kiện về việc [công ty TNHH P](#) vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là quan hệ pháp luật: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” , mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh. [Công ty TNHH P](#) có địa chỉ tại [Khu phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Căn cứ vào khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự, tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án :

[2.1] Theo hợp đồng cho vay số CLC-11770-01 ngày 18/01/2024 và các khế ước nhận nợ số 170624-5261925-ONL-6; khế ước nhận nợ 190424-5261925-ONL-4; khế ước nhận nợ số 250624-5261925-ONL-8; khế ước nhận nợ số 240524-5261925-ONL-5; Khế ước nhận nợ số 180624-5261925-ONL-7 cụ thể số tiền [công ty TNHH P](#) vay tiền của [Ngân hàng V1](#) là:

Theo hợp đồng cho vay số CLC-11770-01 ngày 18/01/2024

1.Khế ước nhận nợ số 170624 -5261925-OLN-06 ngày 17/6/2024 (Ký oline) cụ thể như sau:

Số tiền nhận nợ: 55.000.000đ, ngân hàng đã giải ngân ngày 17/6/2024 [công ty P](#) đề nghị nhận giải ngân để thanh toán tiền hàng, kèm theo khế ước nhận nợ số 170624-5261925-ONL-6 áp dụng trong trường hợp phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản bên thụ hưởng, bên thụ hưởng là [công ty TNHH H](#).

+Khế ước nhận nợ số 190424-5261925-OLN-04 ngày 19/4/2024 (Ký oline) cụ thể như sau:

Ngày 19/4/2024 Ngân hàng đã giải ngân cho [công ty TNHH P](#) số tiền là: 137.499.998 đ nội dung [công ty P](#) đề nghị giải ngân thanh toán tiền hàng, đính kèm theo khế ước nhận nợ số 190424-5261925-ONL-4 áp dụng trong trường hợp phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng thông tin bên thụ hưởng là công ty TNHH Hồng Toán

2.Khế ước nhận nợ số 250624-5261925 –OLN ngày 25/06/2024 (Ký oline)

Đính kèm khế ước nhận nợ số 250624-5261925-ONL-8 áp dụng trong trường hợp phương thức giải ngân là chuyển vào tài khoản của bên thụ hưởng. Ngày 25/6/2024 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 83.000.000 đ theo đề nghị của [công ty P](#) với nội dung [công ty P](#) thanh toán tiền hàng, bên thụ hưởng là [công ty TNHH H](#).

3. *Khế ước nhận nợ số 240524-5261925-OLN ngày 24/5/2024 (ký oline) cụ thể như sau:*

- Ngày 24/5/2024 Ngân hàng đã giải ngân chuyển số tiền 137.499.998 đồng nội dung [công ty P](#) đề nghị giải ngân để thanh toán tiền hàng đính kèm khế ước nhận nợ số 240524-5261925-ONL-5 áp dụng trong trường hợp phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng, bên thụ hưởng là [công ty TNHH T3](#).

4. *Khế ước nhận nợ số 180624-5261925-OLN ngày 18/6/2024 (Ký oline) cụ thể như sau:*

Ngày 18/6/2024 ngân hàng giải ngân chuyển khoản với nội dung [công ty P](#) đề nghị giải ngân để thanh toán tiền hàng số tiền là 27.000.000 đồng đính kèm khế ước nhận nợ số 180624-5261925-ONL-7 áp dụng trong trường hợp phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng, thông tin bên thụ hưởng là [công ty TNHH T3](#). Nội dung : Thanh toán tiền hàng

Các biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS - 20615/ 24 /SME/BLCN BLCN-01 ngày 18/01/2024 ông [Lại Văn T](#) cam kết dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho bên được bảo lãnh là [công ty TNHH P](#) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ nợ gốc, nợ lãi và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan theo tất cả các văn kiện tín dụng phát sinh giữa [công ty P](#) với [V1](#)

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2025) , [công ty P](#) còn nợ Ngân hàng theo các khế ước nhận nợ trên tổng số tiền như sau:

- Nợ gốc: 439.999.996 đ
- Nợ lãi trong hạn: 7.242.580 đ
- Nợ lãi quá hạn: 90.827.074 đ
- Tổng cộng: 538.069.650 đ

Việc ký kết các hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) giữa [công ty TNHH P](#) và [Ngân hàng TMCP V](#) phù hợp với các quy định của pháp luật, [công ty P](#) đã được ngân hàng giải ngân để thanh toán các khoản nợ của [công ty P](#) nên cần phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc [công ty P](#) phải trả cho Ngân hàng ([V1](#)) số tiền theo yêu cầu của ngân hàng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[Công ty TNHH P](#) phải tiếp tục trả khoản tiền lãi như trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày [công ty TNHH P](#) thực tế thanh toán hết nợ cho [V1](#) .

-Trong trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho [V1](#) đề nghị Toà án buộc ông [Lai Văn T](#) có nghĩa vụ trả nợ thay [công ty TNHH P](#) toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS-20615/24/SME/BLCN-01 ngày 18/01/2024.

Trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán [V1](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của [công ty P](#) và ông [Lai Văn T](#) để thu hồi khoản nợ của [công ty TNHH P](#) tại [V1](#).

Quá trình Toà án giải quyết vụ án Toà án đã xác minh hiện nay [công ty P](#) do ông [Lai văn T](#) làm giám đốc đã không có mặt tại địa chỉ [khu phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Toà án đã đăng tin, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm ông [Lai văn T](#) là giám đốc và thành viên góp vốn là bà [Trần Thị T1](#) (vợ ông [T](#)), đồng thời niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ buộc [công ty TNHH P](#) phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là:

[2.2] Xét về hợp đồng bảo lãnh: Căn cứ hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2061524/SME/BLCN-01 ngày 18/02/2024 giữa bên bảo lãnh là ông [Lai Văn T](#) và bên nhận bảo lãnh là [Ngân hàng TMCP V \(V1\) chi nhánh T2](#) thể hiện ông [Lai Văn T](#) (bên bảo lãnh) cam kết dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho bên được bảo lãnh là [công ty TNHH P](#) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ nợ gốc, nợ lãi và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan theo tất cả các văn kiện tín dụng phát sinh giữa [công ty P](#) với [V1](#). Hợp đồng là sự thỏa thuận của các bên tham gia ký kết vì vậy có hiệu lực buộc các bên tham gia ký kết phải chấp hành. Trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại toàn bộ tài sản của của [công ty P](#) và của ông [Lai Văn T](#) để thu hồi nợ.

[4]Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH; điểm c mục 1.3 Danh mục về mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 buộc [công ty TNHH P](#) phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật . Xét thấy, ông [Lai Văn T](#) lợi dụng danh nghĩa công ty lập hợp đồng vay sau đó đi khỏi địa phương, trường hợp [công ty P](#) không nộp tiền án phí KDTM thì buộc ông [Lai Văn T](#) phải nộp thay.

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 1 điều 30, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;
-Điều 463;464;465;466 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng.

-Khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTWQH; điểm c mục 1.4 khoản 1 mục II danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V](#) thuộc [công ty TNHH P](#) phải trả toàn bộ số nợ cho [Ngân hàng TMCP V](#) theo hợp cho vay số : CLC-11770-01 giữa [Ngân hàng TMCP V](#) và [công ty TNHH P](#) số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/8/2025 số nợ là:

- Nợ gốc: 439.999.996 đ
- Nợ lãi trong hạn: 7.242.580 đ
- Nợ lãi quá hạn: 90.827.074 đ
- Tổng cộng: 538.069.650 đ

Cụ thể theo các khế ước nhận nợ như sau:

1.*Khế ước nhận nợ số 170624 -5261925-OLN-06 ngày 17/6/2024 (Ký online) cụ thể như sau:*

- Gốc: 55.000.000đ
- Lãi trong hạn: 1.186.254 đ
- Lãi quá hạn: 12.016.295 đ
- Tổng là: 68.202.549 đ

2.*Khế ước nhận nợ số 190424-5261925-OLN-04 ngày 19/4/2024 (Ký online) cụ thể như sau:* Nợ gốc: 137.499.998 đ

- Lãi trong hạn: 2.438.684 đ
- Lãi quá hạn: 28.362.482 đ
- Tổng là: 168.301.164 đ

3.*Khế ước nhận nợ số 250624-5261925 –OLN ngày 25/06/2024 (Ký online)*

- nợ gốc còn là 83.000.000đ :
- Tính đến ngày xét xử số tiền nợ gốc là: 83.000.000đ
- Nợ lãi trong hạn: 1.000.620đ
- Nợ lãi quá hạn: 15.398.433 đ
- Tổng là: 99.399.053 đ

4.*Khế ước nhận nợ số 240524-5261925-OLN ngày 24/5/2024 (ký online) cụ thể như sau:*

- Nợ gốc là: 137.499.998 đ
- Nợ lãi trong hạn là: 2.291.524 đ
- Nợ lãi quá hạn là :30.040.736 đ
- Tổng là: 169.832.258 đ

5..*Khế ước nhận nợ số 180624-5261925-OLN ngày 18/6/2024 (Ký online) cụ thể như sau:*

- Nợ gốc là: 27.000.000đ
- Nợ lãi trong hạn là:325.498 đ
- Nợ lãi quá hạn là:5.009.129 đ

Tổng là: 32.334.627 đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 12/8/2025) [công ty TNHH P](#) vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán được cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

-Trong trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện (hoặc thực hiện không đầy đủ) nghĩa vụ thanh toán cho [V1](#) thì buộc ông [Lai Văn T](#) có nghĩa vụ trả nợ thay cho [công ty TNHH P](#) toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi , tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh khác theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS-20615/24/SME/BLCN-01 ngày 18/01/2024.

Trường hợp [công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, thu giữ, kê biên phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu khác của [công ty TNHH P](#) và ông [Lai Văn T](#) để thu hồi khoản nợ của [công ty TNHH P](#) tại [ngân hàng V1](#).

3.Về án phí:

[Công ty TNHH P](#) phải nộp tiền án phí KDTMST là: 25.522.786 đồng. Nếu [công ty TNHH P](#) không thực hiện nghĩa vụ nộp án phí thì ông [Lai Văn T](#) có nghĩa vụ nộp thay.

-Trả lại cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền tạm ứng đã nộp là: 11.667.000đ theo biên lai thu số 0004721 ngày 26/3/2025 của chi cục thi hành án dân sự Birm Sơn (nay là phòng thi hành án KV 6 Thanh Hoá)

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện [Ngân hàng TMCP V](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

(11/8/2025), người đại diện theo pháp luật của [công ty P](#) ông [Lai Văn T](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- VKSND Khu vực 6 Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TẠ THỊ HƯƠNG

